

I/ NỘI DUNG ÔN TẬP

ĐỊA LÍ

1: Tác động của khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam

2: Thổ nhưỡng Việt Nam

3: Sinh vật Việt Nam

LỊCH SỬ

1. Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917

2. Sự phát triển khoa học kỹ thuật trong các TK XVIII – XIX

3. Trung Quốc và Nhật Bản cuối TK XIX- đầu TK XX

II/ BÀI TẬP

ĐỊA LÍ

Câu 1. Biểu hiện của sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan ở nước ta là

- A. nhiệt độ trung bình qua các năm xu hướng tăng.
- B. các đợt mưa phùn xảy ra ngày càng nhiều hơn.
- C. nhiều kỉ lục về nhiệt độ, mưa diễn ra quanh năm.
- D. số cơn bão mạnh có xu hướng tăng, thất thường.

Câu 2. Nhiệt độ trung bình năm của nước ta có xu hướng biến động mạnh do tác động của

- A. biến đổi khí hậu.
- B. nước biển dâng.
- C. thời tiết cực đoan.
- D. thùng tầng ô-dôn.

Câu 3. Biến đổi khí hậu làm cho nhiệt độ trung bình năm có xu thế tăng

- A. các tỉnh ở phía Nam.
- B. trên phạm vi cả nước.
- C. các tỉnh ở phía Bắc.
- D. các tỉnh ở gần ven biển

Câu 4. Biến đổi khí hậu **không** gây nên tác động nào sau đây đối với khí hậu Việt Nam?

- A. Biến đổi về nhiệt độ.
- B. Biến đổi về lượng mưa.
- C. Lưu lượng nước sông bị biến động.
- D. Tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Câu 5. Biến đổi khí hậu có tác động như thế nào đối với thủy văn của Việt Nam?

- A. Các yếu tố: nhiệt độ, lượng mưa có sự biến động trên cả nước.
- B. Nhiệt độ trung bình năm có xu thế tăng trên phạm vi cả nước.
- C. Gia tăng sự chênh lệch lưu lượng nước giữa mùa lũ và mùa cạn.
- D. Tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan (mưa lớn, bão, rét đậm,...).

Câu 6. Vào mùa lũ, ở đồng bằng xảy ra thiên tai chủ yếu nào sau đây?

- A. Ngập lụt.
- B. Lũ quét.
- C. Động đất.
- D. Hạn hán.

Câu 7. Vào mùa mưa lũ, thiên tai nào thường xảy ra ở khu vực miền núi của Việt Nam?

- A. Hạn hán.
- B. Ngập lụt.
- C. Lũ quét.
- D. Động đất.

Câu 8. Vào mùa mưa lũ, thiên tai nào thường xảy ra ở khu vực đồng bằng của Việt Nam?

- A. Hạn mặn.
- B. Ngập lụt.
- C. Sóng thần.
- D. Động đất.

Câu 9. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tác động của biến đổi khí hậu đối với hồ, đầm, nước ngầm?

- A. Nhiều hồ, đầm đầy nước; nguồn nước ngầm nhiều.
- B. Nguồn nước ngầm hạ thấp, khả năng khô hạn lớn.
- C. Các hồ, đầm cạn nước không thể khôi phục được.
- D. Mực nước các hồ đầm và nước ngầm xuống thấp.

Câu 10. “Các hoạt động của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ các tác nhân gây ra biến đổi khí hậu” – đó là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Ứng phó với biến đổi khí hậu.
- B. Giảm nhẹ biến đổi khí hậu.
- C. Thích ứng với biến đổi khí hậu.
- D. Phòng chống biến đổi khí hậu.

Câu 11. Để ứng phó với biến đổi khí hậu chúng ta cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp

- A. khai thác hợp lý và tích cực trồng rừng.

- B. giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- C. khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên.
- D. giảm nhẹ biến đổi khí hậu và tăng cường bảo vệ rừng.

Câu 12. Để giảm nhẹ biến đổi khí hậu, chúng ta cần

- A. sử dụng tiết kiệm năng lượng.
- B. thay đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng.
- C. nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng.
- D. rèn luyện các kỹ năng ứng phó với thiên tai.

Câu 13. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng giải pháp giúp giảm nhẹ biến đổi khí hậu?

- A. Sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng.
- B. Bảo vệ rừng, trồng và bảo vệ cây xanh.
- C. Cải tạo, tu bổ và nâng cấp hạ tầng vận tải.
- D. Giảm thiểu và xử lý rác thải, chất thải.

Câu 14. Để thích ứng với biến đổi khí hậu, chúng ta cần

- A. rèn luyện các kỹ năng ứng phó với thiên tai.
- B. sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước.
- C. sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.
- D. giảm thiểu và xử lý rác thải, chất thải.

Câu 15. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng giải pháp giúp thích ứng với biến đổi khí hậu?

- A. Ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất.
- B. Cải tạo, tu bổ và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng.
- C. Sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước.
- D. Thay đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi.

Câu 16. Quá trình tích lũy ôxít sắt, ôxít nhôm được tăng cường sẽ hình thành loại đá nào sau đây?

- A. Badan.
- B. Đá vôi.
- C. Granit.
- D. Đá ong.

Câu 17. Hệ quả của đất bị xói mòn, rửa trôi ở miền núi là

- A. sạt lở ở miền núi.
- C. xói lở ở trung du.
- B. bồi tụ ở đồng bằng.
- D. mài mòn ở ven biển.

Câu 18. Nhóm đất nào dưới đây chiếm tỉ trọng lớn nhất ở nước ta?

- A. Đất feralit.
- C. Đất phù sa.
- B. Đất mặn, phèn.
- D. Đất mùn núi cao.

Câu 19. Nhóm đất mùn núi cao phân bố chủ yếu ở vùng nào dưới đây?

- A. Vùng đồng bằng.
- C. Vùng miền núi cao.
- B. Vùng trung du.
- D. Vùng ven biển.

Câu 20. Đất tơi xốp giữ nước tốt thích hợp nhất với loại cây nào dưới đây?

- A. Lâm nghiệp.
- B. Cây ăn quả.
- C. Công nghiệp.
- D. Lương thực.

Câu 21. Nhóm đất phù sa sông và biển phân bố ở

- A. vùng đồi núi.
- C. vùng núi cao.
- B. các cao nguyên.
- D. các đồng bằng.

Câu 22. Đất phèn, đất mặn chiếm diện tích lớn tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây của nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng Thanh Hóa.
- B. Duyên hải miền Trung.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 23. Ở nước ta, loại đất feralit trên đá badan phân bố chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

- A. Tây Bắc.
- C. Tây Nguyên.
- B. Bắc Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 24. Nhóm đất phù sa có đặc điểm nào sau đây?

- A. Lớp vỏ phong hoá dày, đất thoáng khí.
- B. Có chứa nhiều ôxít sắt và ôxít nhôm.
- C. Đất chua, nghèo các chất bazo và mùn.
- D. Đất có độ phì cao, rất giàu dinh dưỡng.

Câu 25. Ở các rừng ngập mặn ven biển, các bãi triều ngập nước và ở cửa sông lớn thuận lợi cho việc

- A. đánh bắt thủy sản.
- C. trồng cây lâu năm.
- B. nuôi trồng thủy sản.
- D. trồng cây lúa nước.

Câu 26. Trong lâm nghiệp, đất feralit thích hợp để

A. rừng sản xuất.

C. rừng đặc dụng.

B. rừng phòng hộ.

D. vườn quốc gia.

Câu 27. Đất feralit hình thành trên loại đá nào sau đây ở nước ta giàu chất dinh dưỡng và tôi xốp?

A. Badan.

B. Đá vôi.

C. Đá ong.

D. Granit.

Câu 28. Đặc điểm chung của đất phù sa là

A. tầng đất dày, phì nhiêu.

C. nghèo chất dinh dưỡng.

B. tầng đất mỏng, bị chua.

D. phì nhiêu, nhiều cát.

Câu 29. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thoái hóa đất ở Việt Nam?

A. Việt Nam có 3/4 diện tích đồi núi, có độ dốc cao.

B. Hạn chế sử dụng phân bón hóa học trong sản xuất nông nghiệp.

C. Biến đổi khí hậu làm gia tăng tình trạng hạn hán, ngập lụt.

D. Nạn phá rừng để lấy gỗ, đốt nương làm rẫy.

Câu 30. Để giảm thiểu tình trạng thoái hóa đất, chúng ta **không nên** áp dụng biện pháp nào sau đây?

A. Lạm dụng thuốc trừ sâu, phân bón hóa học.

B. Trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

C. Củng cố và hoàn thiện hệ thống các đê ven biển.

D. Bỏ sung các chất hữu cơ cho đất.

Câu 31. Đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam là

A. tương đối nhiều loài.

B. khá nghèo nàn về loài.

C. nhiều loài, ít về gen.

D. phong phú và đa dạng.

Câu 32. Rừng trồng cây lấy gỗ, cây công nghiệp thuộc hệ sinh thái nào sau đây?

A. Hệ sinh thái nông nghiệp.

C. Hệ sinh thái công nghiệp.

B. Hệ sinh thái tự nhiên.

D. Hệ sinh thái nguyên sinh.

Câu 33. Trong các hệ sinh thái, hệ sinh thái nào sau đây ngày càng mở rộng?

A. Hệ sinh thái nông nghiệp.

C. Hệ sinh thái nguyên sinh.

B. Hệ sinh thái tre nứa.

D. Hệ sinh thái ngập mặn.

Câu 34. Hệ sinh thái nông nghiệp phát triển chủ yếu ở vùng nào sau đây?

A. Cao nguyên.

B. Trung du.

C. Đồng bằng.

D. Miền núi.

Câu 35. Khu bảo tồn thiên nhiên đầu tiên ở nước ta là vườn quốc gia nào sau đây?

A. Ba Bể.

B. Ba Vì.

C. Bạch Mã.

D. Cúc Phương.

Câu 36. Trong tự nhiên ở nước ta đã phát hiện khoảng bao nhiêu loài sinh vật?

A. 50000.

B. 40000.

C. 45000.

D. 55000.

Câu 37. Hệ sinh thái nào sau đây thuộc hệ sinh thái nhân tạo?

A. Đồng ruộng, rừng trồng.

B. Rừng nhiệt đới gió mùa.

C. Rừng ngập mặn, cỏ biển.

D. Rạn san hô, rừng ôn đới.

Câu 38. Hệ sinh thái nào sau đây thuộc hệ sinh thái tự nhiên trên cạn?

A. Rừng ngập mặn, cỏ biển.

B. Rừng mưa nhiệt đới.

C. Đầm phá ven biển.

D. Rạn san hô, rừng ôn đới.

Câu 39. Hệ sinh thái nào sau đây thuộc hệ sinh thái tự nhiên dưới nước?

A. Trảng cỏ, cây bụi.

C. Rừng nhiệt đới gió mùa.

B. Rừng mưa nhiệt đới.

D. Rừng ngập mặn, cỏ biển.

Câu 40. Hệ sinh thái nào sau đây thuộc hệ sinh thái nhân tạo?

A. Vùng chuyên canh.

C. Rừng mưa nhiệt đới.

B. Đầm phá ven biển.

D. Rừng ngập mặn ven biển.

Câu 41. Sự phong phú, đa dạng của sinh vật Việt Nam **không** được thể hiện ở yếu tố nào sau đây?

A. Đa dạng về thành phần loài.

C. Chỉ có hệ sinh thái nhân tạo.

B. Đa dạng về nguồn gen.

D. Đa dạng về kiểu hệ sinh thái.

Câu 42. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về sự suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam?

A. Mở rộng phạm vi phân bố của các loài sinh vật.

B. Suy giảm số lượng cá thể, loài sinh vật.

C. Suy giảm nguồn gen.

D. Suy giảm hệ sinh thái.

Câu 43. Nội dung nào sau đây là biểu hiện của sự suy giảm về số lượng cá thể và loài sinh vật ở Việt Nam?

A. Phạm vi phân bố loài tăng nhanh.

B. Nhiều hệ sinh thái rừng bị phá hủy.

C. Nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng.

D. Xuất hiện nhiều loài mới do lai tạo.

Câu 44. Nguyên nhân tự nhiên nào dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học ở Việt Nam?

A. Hoạt động khai thác lâm sản của con người.

B. Biến đổi khí hậu với các hệ quả: bão, lũ, hạn hán,...

C. Hoạt động đánh bắt thủy sản quá mức.

D. Tình trạng đốt rừng làm nương rẫy.

Câu 45. Để bảo tồn đa dạng sinh học, chúng ta **không nên** thực hiện hành động nào sau đây?

A. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên.

B. Trồng rừng và bảo vệ rừng tự nhiên.

C. Xử lý chất thải sinh hoạt và sản xuất.

D. Săn bắt động vật hoang dã trái phép.

Câu 46. Vùng biển của Việt Nam **không** giáp với vùng biển của quốc gia nào dưới đây?

A. Xin-ga-po.

B. Phi-lip-pin.

C. Đông Ti-mo.

D. Ma-lai-xi-a.

Câu 47. Biển Đông có diện tích khoảng

A. 3,24 triệu km².

C. 3,34 triệu km².

B. 3,43 triệu km².

D. 3,44 triệu km².

Câu 48. Vùng biển của Việt Nam có diện tích khoảng

A. 1,0 triệu km².

C. 1,2 triệu km².

B. 1,1 triệu km².

D. 1,3 triệu km².

Câu 49. Biển Đông trải rộng từ khoảng vĩ độ

A. 4°N đến vĩ độ 26°B.

C. 3°N đến vĩ độ 26°B.

B. 3°N đến vĩ độ 27°B.

D. 4°N đến vĩ độ 27°B.

Câu 50. Vùng biển của Việt Nam thông qua hai đại dương lớn nào dưới đây?

A. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

B. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

C. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

D. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

Câu 51. Vùng biển Việt Nam không có bộ phận nào sau đây?

A. Nội thủy.

B. Thềm lục địa.

C. Lãnh hải.

D. Các đảo.

Câu 52. Đường phân định vịnh Bắc Bộ được xác định bằng

A. 21 điểm có tọa độ xác định.

C. 23 điểm có tọa độ xác định.

B. 20 điểm có tọa độ xác định.

D. 22 điểm có tọa độ xác định.

Câu 53. Đường cơ sở là căn cứ để xác định

A. vị trí địa lý, độ sâu của lãnh hải và các vùng biển khác.

B. giới hạn, chiều rộng của lãnh hải và các vùng biển khác.

C. độ sâu, chiều rộng của lãnh hải và các vùng biển khác.

D. phạm vi, chiều rộng của lãnh hải và các vùng biển khác.

Câu 54. Vùng biển nào sau đây được coi là một bộ phận của lãnh thổ ở nước ta?

A. Lãnh hải.

C. Nội thủy.

B. Tiếp giáp lãnh hải.

D. Thềm lục địa.

Câu 55. Đường biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam nằm ở

A. ranh giới ngoài của nội thủy.

C. ranh giới ngoài của lãnh hải.

B. ranh giới của thềm lục địa.

D. ranh giới đặc quyền kinh tế.

Câu 56. Vùng biển của Việt Nam nằm trong khí hậu nào dưới đây?

A. Cận nhiệt gió mùa.

C. Nhiệt đới gió mùa.

B. Ôn đới gió mùa.

D. Xích đạo ẩm.

Câu 57. Trên Biển Đông gió Đông Bắc thổi trong thời gian khoảng từ

- A. tháng 11 đến tháng 4. C. tháng 4 đến tháng 10.
B. tháng 10 đến tháng 4. D. tháng 11 đến tháng 5.

Câu 58. Chế độ nhiệt trên Biển Đông

- A. mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền, biên độ nhiệt nhỏ.
B. mùa hạ nóng, mùa đông lạnh hơn đất liền, biên độ nhiệt nhỏ.
C. mùa hạ nóng, mùa đông lạnh hơn đất liền, biên độ nhiệt lớn.
D. mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn đất liền, biên độ nhiệt lớn.

Câu 59. Địa hình ven biển nước ta

- A. khá đơn điệu. C. rất đa dạng. B. chỉ có các đảo. D. chủ yếu là vịnh.

Câu 60. Địa hình thềm lục địa ở miền Nam nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hẹp và sâu. B. Bằng phẳng. C. Rộng, nông. D. Nông và hẹp.

LỊCH SỬ

Bài 12

Câu 1. Sự kiện nào đã làm trầm trọng thêm tình trạng khủng hoảng, đưa nước Nga tiến sát tới một cuộc cách mạng xã hội vào năm 1917?

- A. Nga hoàng tuyên bố đầu hàng phe Liên minh.
B. Nga tham gia chiến tranh thế giới thứ nhất.
C. Nga hoàng Ni-cô-lai II tuyên bố võ nộ.

Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tình hình nước Nga sau cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917?

- A. Nga vẫn là nước quân chủ chuyên chế. B. Cục diện hai chính quyền song song tồn tại.
C. Nền chuyên chính vô sản được thiết lập. D. Chính phủ tư sản lâm thời bị lật đổ.

Câu 3. Cách mạng tháng Hai và Cách mạng tháng Mười (1917) được đặt dưới sự lãnh đạo của

- A. Đảng Bôn-sê-vích. B. Đảng Men-sê-vích.
C. Đảng cộng sản Nga. D. Đảng công nhân xã hội Nga.

Câu 4. Sau Cách mạng tháng Hai, vấn đề cấp bách đặt ra cho nước Nga là gì?

- A. Lật đổ sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế.
B. Phá vỡ thế bao vây, cô lập của các nước đế quốc.
C. bảo vệ và củng cố chính quyền của giai cấp tư sản.
D. Chấm dứt tình trạng hai chính quyền song song tồn tại.

Câu 5. Đầu năm 1918, Cách mạng tháng Mười Nga

- A. bùng nổ. B. đã thất bại hoàn toàn.
C. giành thắng lợi ở Pê-tơ-rô-grát. D. giành được thắng lợi hoàn toàn.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga đối với thế giới?

- A. Phá vỡ trận tuyến của hệ thống tư bản chủ nghĩa trên thế giới.
B. Cổ vũ, chỉ ra con đường đấu tranh thắng lợi cho giai cấp vô sản thế giới.
C. Mở ra khuynh hướng đấu tranh giải phóng mới cho các dân tộc thuộc địa.
D. Đưa người lao động lên nắm chính quyền, xây dựng một chế độ mới ở Nga.

Câu 7. Mười ngày rung chuyển thế giới là tác phẩm của Giôn Rít (người Mỹ), xuất bản năm 1919 diễn giải nguyên nhân và diễn biến của cuộc cách mạng nào dưới đây?

- A. Công xã Pa-ri ở Pháp năm 1871. B. Cách mạng Nga năm 1905 - 1907.
C. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. D. Cách mạng tháng Hai ở Nga năm 1917.

Câu 8. Cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã

- A. đưa nhân dân Nga lên làm chủ vận mệnh của mình.
B. dẫn đến tình trạng hai chính quyền song song tồn tại.
C. giúp Nga đẩy lùi được nguy cơ ngoại xâm và nội phản.
D. giúp Nga hoàn thành mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây phản ánh **đúng** về cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917?

- A. Dẫn đến cục diện hai chính quyền song song tồn tại ở Nga.

- B. Thắng lợi, đưa nhân dân lao động Nga lên nắm chính quyền.
- C. Thắng lợi, đưa đến sự ra đời của Chính phủ tư sản lâm thời.
- D. Lật đổ sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ở Nga.

Câu 10. Đoạn tư liệu dưới đây phản ánh về vấn đề nào?

Tư liệu: “...Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi lại ra sức cho công nông và các dân tộc bị áp bức, các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ đế quốc chủ nghĩa và tư bản...”

(Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 2, trang 280).

- A. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười (1917).
- B. Bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười (1917).
- C. Nguyên nhân bùng nổ của Cách mạng tháng Mười (1917).
- D. Mục tiêu đấu tranh của Cách mạng tháng Mười (1917)

Bài 13

Câu 1. Sác-lơ Đác-uyn là tác giả của

- A. Thuyết tiến hóa.
- B. Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.
- C. Thuyết tương đối.
- D. Định luật bảo toàn năng lượng.

Câu 2. M. Lô-mô-nô-xốp là tác giả của thành tựu khoa học nào sau đây?

- A. Thuyết vạn vật hấp dẫn.
- B. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng.
- C. Thuyết tiến hóa.
- D. Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.

Câu 3. Nhà khoa học nào dưới đây là tác giả của Thuyết vạn vật hấp dẫn?

- A. I. Niu-ton.
- B. M. Lô-mô-nô-xốp.
- C. S. Đác-uyn.
- D. Đ.I. Men-đê-lê-ép.

Câu 4. Trong các thế kỉ XVIII - XIX, ở Đức, chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng đã được xây dựng tương đối hoàn thiện, với những đại diện xuất sắc là

- A. L. Phoi-ơ-bách và G. Hê-ghen.
- B. A. Xmit và D. Ri-các-đô.
- C. C.H. Xanh-xi-mông và S. Phu-ri-ê.
- D. C. Mác và Ph.Ăng-ghen.

Câu 5. Tàu thủy chạy bằng động cơ hơi nước là phát minh của ai?

- A. R. Phon-ton.
- B. G. Men-đen.
- C. T. Ê-đi-xon.
- D. A.G. Bell.

Câu 6. Máy đĩa nghe nhạc, bóng đèn,... là phát minh của ai?

- A. R. Phon-ton.
- B. G. Men-đen.
- C. T. Ê-đi-xon.
- D. A.G. Bell.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng tác động của sự phát triển khoa học, kĩ thuật trong các thế kỉ XVIII - XIX?

- A. Đưa nhân loại bước vào thời đại văn minh trí tuệ.
- B. Mang đến những hiểu biết sâu sắc về xã hội loài người.
- C. Đưa nhân loại bước vào thời đại văn minh công nghiệp.
- D. Nhận thức của con người về thế giới tự nhiên có sự thay đổi.

Câu 8. Nhà văn Vích-to Huy-gô là tác giả của tác phẩm nào dưới đây?

- A. “Những người khốn khổ”.
- B. “Chiến tranh và hòa bình”.
- C. “Đông Giông”.
- D. “Tấn trò đời”.

Câu 9. Nhà H. Ban-dắc là tác giả của tác phẩm nào dưới đây?

- A. “Những người khốn khổ”.
- B. “Chiến tranh và hòa bình”.
- C. “Đông Giông”.
- D. “Tấn trò đời”.

Câu 10. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Vích-to Huy-gô là tác phẩm

- A. “Nhà thờ Đức bà Pa-ri”.
- B. “Chiến tranh và hòa bình”.
- C. “Đông Giông”.
- D. “Tấn trò đời”.

Bài 14

Câu 1. Cuộc chiến tranh giữa Trung Quốc với thực dân Anh trong những năm 1840 - 1842 còn được gọi là

- A. “Chiến tranh thuốc phiện”.
- B. “Chiến tranh chớp nhoáng”.
- C. “Chiến tranh lạnh”.
- D. “Cách mạng nhung”.

- Câu 5.** Đến cuối thế kỉ XIX, vùng Đông Bắc của Trung Quốc đã trở thành khu vực ảnh hưởng của những đế quốc nào?
 A. Anh và Mĩ. B. Pháp và Anh. C. Nhật Bản và Nga. D. Nga và Đức.
- Câu 6.** Bao trùm trong xã hội Trung Quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là mâu thuẫn giữa
 A. giai cấp tư sản với giai cấp vô sản. B. tư sản Trung Quốc với đế quốc xâm lược.
 C. nông dân với tầng lớp địa chủ phong kiến. D. nhân dân Trung Quốc với đế quốc xâm lược.
- Câu 7.** Học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn **không có** nội dung nào sau đây?
 A. “Dân tộc độc lập”. B. “Dân quyền tự do”.
 C. “Dân sinh hạnh phúc”. D. “Khai dân trí, chấn dân khí”.
- Câu 8.** Chính đảng của giai cấp tư sản dân tộc Trung Quốc được thành lập vào năm 1905 mang tên là
 A. Trung Quốc Đồng minh hội. B. Đảng Cộng sản Trung Quốc.
 C. Đảng Tự do Dân chủ Trung Quốc. D. Hội Kiến quốc Dân chủ Trung Quốc.
- Câu 9.** Một trong những kết quả của Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc là
 A. thành lập nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc.
 B. lật đổ triều đình Mãn Thanh, thành lập Trung Hoa Dân quốc.
 C. giải phóng Trung Quốc khỏi ách thống trị của các nước đế quốc.
 D. thành lập chính quyền cách mạng, chia ruộng đất cho dân cày.
- Câu 14.** Thành công của cuộc Duy tân Minh Trị (cuối thế kỉ XIX) **không** mang lại kết quả nào sau đây cho Nhật Bản?
 A. Đưa nước Nhật thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, trì trệ.
 B. Giúp Nhật Bản thoát khỏi nguy cơ bị biến thành thuộc địa.
 C. Thúc đẩy Nhật Bản tiến nhanh trên con đường đế quốc chủ nghĩa.
 D. Tạo điều kiện để Nhật Bản giúp đỡ các nước châu Á bảo vệ nền độc lập.
- Câu 15.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản?
 A. Giúp cho Nhật Bản giữ được độc lập, chủ quyền.
 B. Đưa Nhật Bản phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa.
 C. Mở đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nhật Bản.
 D. Cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.
- Câu 16.** Cuộc Duy tân Minh trị mang tính chất của một cuộc cách mạng tư sản, diễn ra dưới hình thức
 A. nội chiến và chiến tranh giải phóng. B. nội chiến cách mạng.
 C. cải cách, canh tân đất nước. D. chiến tranh giải phóng dân tộc.
- Câu 18.** Trong những năm 1904 - 1905 Nhật Bản tiến hành cuộc chiến tranh với đế quốc nào?
 A. Hà Lan. B. Nga. C. Mĩ. D. Anh.
- Câu 20.** Nội dung nào dưới đây phản ánh **không đúng** về cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản?
 A. Thành công, giúp Nhật Bản giữ được độc lập, chủ quyền.
 B. Mang tính chất của một cuộc cách mạng tư sản chưa triệt để.
 C. Diễn ra khi Nhật Bản đã là thuộc địa của tư bản phương Tây.
 D. Có ảnh hưởng đến một số nước châu Á (trong đó có Việt Nam).

BGH xác nhận

Nhóm trưởng (TTCM)

GVBM

Tạ Thúy Hà

Nguyễn Thị Kim Thanh

**Lê Thị Ánh Tuyết
Nguyễn Thị Thuần**